UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2013/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 22 tháng 01 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức đóng góp, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và các đối tượng cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 94/TTr-STC ngày 14 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mức đóng góp, hỗ trợ, chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma tuý tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm; người nghiện ma tuý chữa trị cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội trong thời gian chấp hành quyết định và người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm; người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện ma tuý tại Trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm.

Điều 2. Mức đóng góp và hỗ trợ đối với người nghiện ma tuý tự nguyện cai nghiện, người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm trong thời gian chấp hành quyết định và người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm

1. Mức đóng góp của người nghiện ma tuý tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm:

a) Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng.

b) Sinh hoạt văn thể: 50.000 đồng/người/năm.

c) Điện, nước, vệ sinh: 120.000 đồng/người/tháng.

d) Phục vụ, quản lý (cắt cơn cai nghiện, điều trị, cấp dưỡng): Tháng thứ nhất là 700.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 500.000 đồng/người/tháng.

đ) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 50.000 đồng/người/tháng.

e) Xét nghiệm tìm chất ma tuý và các xét nghiệm khác: 400.000 đồng/người.

g) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc Bông Sen do Công ty Fataco sản xuất: Tháng thứ nhất là 1.400.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ hai trở đi là 150.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc cắt cơn hiệu Cedemex: Tháng thứ nhất là 584.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 150.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc cắt cơn theo phác đồ của Bộ Y tế: Tháng thứ nhất là 600.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 300.000 đồng/người/tháng.

h) Tiền học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu): 1.000.000 đồng/người.

2. Mức hỗ trợ đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm trong thời gian chấp hành quyết định và người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm:

a) Mức hỗ trợ tiền ăn: 20.000 đồng/người/ngày đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm trong thời gian chấp hành quyết định và người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm.

b) Các chế độ hỗ trợ khác: Áp dụng theo mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma tuý tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm:

a) Đối tượng được xét miễn đóng góp tiền ăn, giảm 50% chi phí chữa trị, cai nghiện tại Điểm g, Khoản 1, Điều 2 Quyết định này trong thời gian chấp hành quyết định đối với các trường hợp sau:

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Người chưa thành niên.

- Người bị nhiễm HIV/AIDS.

- Người không có nơi cư trú nhất định.

b) Đối tượng được giảm 50% mức đóng góp tiền ăn, 30% chi phí chữa trị cai nghiện tại Điểm g, Khoản 1, Điều 2 Quyết định này trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo.

Điều 3. Mức đóng góp, hỗ trợ đối với người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình, người nghiện ma tuý cai nghiện ma tuý tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Mức đóng góp đối với người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình:

a) Chi phí khám bệnh thông thường: 30.000 đồng/người/tháng.

b) Xét nghiệm tìm chất ma tuý và các xét nghiệm khác: 400.000 đồng/người.

c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện:

- Trường hợp cai nghiện với thuốc Bông Sen do Công ty Fataco sản xuất: Tháng thứ nhất là 1.400.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ hai trở đi là 150.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc cắt cơn hiệu Cedemex: Tháng thứ nhất là 584.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 150.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc cắt cơn theo phát đồ của Bộ Y tế: Tháng thứ nhất là 600.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 300.000 đồng/người/tháng.

d) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày.

đ) Tiền học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu): 1.000.000 đồng/người.

2. Mức hỗ trợ:

Người nghiện ma tuý cai nghiện ma tuý tự nguyện tại gia đình và cộng đồng, người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật: Áp dụng theo mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình:

a) Đối tượng được xét miễn đóng góp tiền ăn, giảm 50% chi phí chữa trị cai nghiện tại Điểm c, Khoản 1, Điều 3 Quyết định này trong thời gian chấp hành quyết định đối với các trường hợp sau:

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Người chưa thành niên.

- Người bị nhiễm HIV/AIDS.

- Người không có nơi cư trú nhất định.

b) Đối tượng được giảm 50% mức đóng góp tiền ăn, 30% chi phí chữa trị cai nghiện tại Điểm c, Khoản 1, Điều 3 Quyết định này trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo.

Điều 4. Mức đóng góp và hỗ trợ đối với người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện ma tuý áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Mức đóng góp:

a) Tiền ăn: 600.000 đồng/người/tháng.

b) Tiền sinh hoạt văn thể: 50.000 đồng/người/năm.

c) Tiền học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu): 1.000.000 đồng/người.

d) Chi phí khám bệnh thông thường: 30.000 đồng/người/tháng.

đ) Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 400.000 đồng/người/năm.

2. Mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ tiền ăn: Ngân sách hỗ trợ mức 600.000 đồng/người/tháng trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng quản lý sau cai nghiện.

b) Các chế độ hỗ trợ khác: Áp dụng theo mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Các quy định khác

Các quy định, chế độ hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai tại nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH và Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ Công văn số 1825/UBND-TCĐT ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức đóng góp các khoản chi phí đối với người nghiện ma tuý tự nguyện cai nghiện./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng